

Bản án số: 17/2025/HS-ST
Ngày: 11-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tấn Dũng.

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở 1 - Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2025/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

Trương Vũ P, sinh ngày 01/01/1974, tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp); Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T (chết) và bà Quỳnh Kim N (chết); chung sống như vợ chồng với người khác, có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam: không; có mặt.

- **Bị hại:** Trần Công D, sinh ngày 01/01/1967; Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp); có mặt.

- **Người làm chứng:** Lê Thị Q, Trần Văn H (Lé) có mặt; S (H1), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 01/02/2025 (Mùng 4 Tết Nguyên đán), S, Trần Văn H, Trương Vũ P và một số người không rõ họ tên, tổ chức uống rượu, bia tại

nhà S, thuộc ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày nghỉ uống, ông H rủ ông Sơn Ú và P đến nhà của ông H, ở gần đó, uống cà phê. Trong lúc chờ ông H pha cà phê, ông Sơn Ú đi đến nhà ông Trần Công D, đối diện với nhà ông H, để mua thuốc hút. P cũng theo sau. Khi đến nơi, ông Sơn Ú rủ ông D nhậu và hát karaoke (do nhà ông D có loa) nhưng ông D không đồng ý.

P xin phép bà Lê Thị Q (vợ ông D) đi nhờ nhà vệ sinh, bà Q đồng ý. P vệ sinh xong đi ra đến khu vực bếp nhà ông D, thấy khúc gỗ (dùng để đập nước đá) và nhớ lại chuyện trước đây ông D thường xuyên chửi P và gia đình, nên P cầm khúc gỗ đến chỗ ông D đang ngồi, dùng khúc gỗ đánh vào vùng đầu ông D gây thương tích gồm: Sẹo vết thương phần mềm cằm phải; Sẹo vết thương phần mềm đỉnh thái dương phải; Vùng vai phải. Ông Sơn Ú và bà Q can ngăn. P cầm khúc gỗ bỏ về nhà. Ngày 03/02/2025, P đến cơ quan Công an đầu thú. Sau khi bị đánh, ông D được gia đình đưa đến Bệnh viện điều trị thương tích đến ngày 05/02/2025 xuất viện. Ngày 01/3/2025, ông D có yêu cầu xử lý hình sự đối với Trương Vũ P.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) khúc cây gỗ, màu vàng, chiều dài 44 cm, chiều rộng lớn nhất 06 cm, chiều rộng nhỏ nhất 3,5cm, chiều cao 3,3 cm, cân nặng 850g của bà Lê Thị Q. P dùng gây thương tích cho ông D. Bà Q không yêu cầu nhận lại.

* Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 552/KLTTCT-TTPYĐT, ngày 11/4/2025, của Trung tâm pháp y tỉnh Đ, kết luận:

Sẹo vết thương phần mềm cằm phải, kích thước nhỏ, tỷ lệ tổn thương 01%; Sẹo vết thương phần mềm đỉnh thái dương phải, kích thước nhỏ, tỷ lệ tổn thương 01%; Xuất huyết não vùng trán bên phải không có di chứng chức năng hệ thần kinh còn hình ảnh tổn thương trên chuẩn đoán hình ảnh, tỷ lệ tổn thương 13%. Vùng vai phải hiện không thấy dấu vết thương tích, không cho tỷ lệ phần trăm.

Xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Công D tại thời điểm giám định là: 15%.

Kết luận khác: Sẹo vết thương phần mềm cằm phải có chiều hướng sau ra trước; Sẹo vết thương phần mềm đỉnh thái dương phải có chiều hướng trên xuống; Vùng vai phải hiện không còn dấu vết thương tích nên không xác định được chiều hướng; Các tổn thương trên do vật tày gây ra; Cơ chế hình thành tổn thương do ngoại lực tác động.

Về trách nhiệm dân sự: Biên bản thỏa thuận ngày 29/4/2025, bị hại D yêu cầu bị cáo P bồi thường chi phí điều trị thương tích, tiền toa vé thuốc, tàu xe, công lao động, tổn thất tinh thần và các khoản chi phí khác tổng số tiền 66.945.000 đồng, bị cáo P thống nhất. Đã bồi thường 24.000.000 đồng, còn lại 42.945.000 đồng. Bị cáo P chưa có tiền bồi thường, khi có tiền sẽ bồi thường sau.

Tại Cáo trạng số 13/CT-VKS-KV12 ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51

của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS), xử phạt bị cáo P từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo P và bị hại D, bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 42.945.000 đồng cho bị hại. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo P không bào chữa, tranh luận; lời nói sau cùng, chỉ thắc số tiền bị hại yêu cầu về tiền công lao động. Sau khi Kiểm sát viên giải thích đã không còn thắc mắc nữa.

Bị hại không tranh luận, chỉ đề nghị xét xử đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo P khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đã chứng minh được:

[3] Bị cáo P có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi dùng hung khí nguy hiểm là cây gỗ, thường dùng để đập nước đá, dài 44 cm, rộng lớn nhất 06 cm, nhỏ nhất 3,5cm, cao 3,3 cm, nặng 850g, vô cơ gây ra tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại D là 15%, như đã nêu ở phần nội dung vụ án. Do vậy, đã đủ căn cứ kết luận bị cáo Phương phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của BLHS, quy định:

“Điều 134. Tội cố ý gây thương tích

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng ... hung khí nguy hiểm...

i) Có tính chất côn đồ; ...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm: ...

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này...”

[4] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo P là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo có lỗi cố ý trực tiếp và đã thực hiện tội phạm hoàn thành.

[6] Sức khỏe, tính mạng là vốn quý báu của con người, vì con người sống có sức khỏe mới tạo ra của cải vật chất cho gia đình và xã hội, mọi hành vi xâm hại đến sức khỏe, tính mạng đều phải bị pháp luật xử phạt một cách thích đáng, có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Bị cáo nhận thức được hành vi cố ý gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, trực tiếp xâm phạm, gây tổn thương cơ thể của người khác được pháp luật bảo vệ. Cụ thể, bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại D, trong khi sự việc không có mẫu thuẫn gì cả. Bị cáo cho rằng bị hại chửi bị cáo và gia đình, nhưng không có gì chứng minh. Bị hại không thừa nhận việc chửi bị cáo. Lúc đó, ông Sơn Ú rủ bị hại nhậu và hát, bị hại không đồng ý. Sau đó, bị cáo đã tấn công gây thương tích cho bị hại D một cách vô cớ. Vùng cơ thể của bị hại mà bị cáo tấn công là vùng đầu, vùng dễ gây nguy hiểm đến tính mạng của con người, nên hành vi của bị cáo là hết sức nguy hiểm. Lẽ ra phải có cách xử sự tốt hơn, nhưng vì bị cáo đã uống rượu nên bộc lộ bản tính côn đồ, hung hăng, thích hành xử với người khác bằng bạo lực, đã gây ra hành vi phạm tội.

[7] Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật, nên phải xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Xét tính chất, mức độ, ý thức và hậu quả của tội phạm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có điều kiện răn đe, giáo dục giúp bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội và phòng ngừa chung cho những ai có tư tưởng thích dùng bạo lực tương tự.

[8] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Về nhân thân, tiền án, tiền sự: Chưa từng có tiền án, tiền sự.

[10] Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là đã bồi thường một phần cho bị hại để khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Bị cáo học văn thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, sau khi phạm tội đã đầu thú, nên Hội đồng xét xử xem xét là tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS. Căn cứ vào các tình tiết vừa nêu để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận; sự thỏa thuận của bị cáo với bị hại là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật nên ghi nhận.

[12] Về xử lý vật chứng: Viện kiểm sát đề nghị phù hợp nên chấp nhận.

[13] Các vấn đề khác Viện kiểm sát không đề cập là phù hợp nên không xem xét.

[14] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Trương Vũ Phương P1 “Tội cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Trương Vũ P 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 590 Bộ luật Dân sự, ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo với bị hại:

2.1. Bị cáo Trương Vũ P có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại Trần Công D số tiền 42.945.000 (Bốn mươi hai triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng.

2.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) khúc cây gỗ, màu vàng, có chiều dài 44cm, chiều rộng lớn nhất là 06cm, chiều rộng nhỏ nhất là 3,5cm, chiều cao là 3,3cm, cân nặng 850g. Vật chứng do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - Đồng Tháp quản lý theo Biên bản giao, nhận ngày 06 tháng 8 năm 2025.

4. Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a và f khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí, lệ phí tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trương Vũ P phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11 tháng 9 năm 2025).

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Phần quyết định bồi thường thiệt hại về sức khỏe được thi hành ngay, mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại (nếu có);
- Viện kiểm sát cùng cấp, Cơ quan điều tra;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi giám sát, giáo dục người được hưởng án treo (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú